BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 208/2015/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2015*

THÔNG TƯ
Quy định về hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn trong việc tư vấn mức thuế của hộ, gia đình, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán (sau đây được gọi tắt là hộ kinh doanh) trên địa bàn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây được gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây được gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);

2. Cơ quan thuế gồm: Tổng cục Thuế; Cục Thuế; Chi cục Thuế;

3. Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn (sau đây được gọi tắt là Hội đồng tư vấn thuế);

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Thành phần Hội đồng tư vấn thuế

1. Thành phần Hội đồng tư vấn thuế bao gồm:

a) Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã - Chủ tịch Hội đồng;

b) Đội trưởng hoặc Phó Đội trưởng Đội thuế liên xã, phường, thị trấn hoặc tương đương - Thành viên thường trực;

c) Một công chức phụ trách về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã - Thành viên;

d) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã, phường, thị trấn - Thành viên;

e) Trưởng Công an xã, phường, thị trấn - Thành viên;

g) Đại diện hộ kinh doanh - Thành viên;

2. Điều kiện đối với hộ kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế

Chủ hộ kinh doanh đại diện cho các hộ kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện sau:

a) Chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước về sản xuất kinh doanh và pháp luật thuế;

b) Có thời gian kinh doanh tối thiểu là 3 năm tính đến trước ngày tham gia Hội đồng tư vấn thuế (trừ trường hợp quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 4 Thông tư này).

Ưu tiên hộ kinh doanh đủ điều kiện nêu trên là Tổ trưởng, tổ phó hoặc tương đương đại diện cho các ngành hàng sản xuất kinh doanh tại địa bàn xã, phường, thị trấn hoặc chợ và Trung tâm thương mại.

3. Hộ kinh doanh được lựa chọn làm đại diện tham gia trong thành phần Hội đồng tư vấn thuế theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này do Mặt trận tổ quốc xã, phường, thị trấn đề xuất và giới thiệu với Chi cục Thuế. Số lượng hộ kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế tùy theo số hộ kinh doanh tại địa bàn xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau:

a) Tại địa bàn xã, phường, thị trấn có từ 10 hộ kinh doanh trở xuống thì thành phần Hội đồng tư vấn thuế có ít nhất 1 hộ kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế;

b) Tại địa bàn xã, phường, thị trấn có từ trên 10 đến 100 hộ kinh doanh thì Hội đồng tư vấn thuế có ít nhất 2 hộ kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế;

c) Tại địa bàn xã, phường, thị trấn có từ trên 100 đến 500 hộ kinh doanh thì có ít nhất là 5 hộ kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế;

d) Tại địa bàn xã, phường, thị trấn có từ trên 500 đến 900 hộ kinh doanh thì có ít nhất là 7 hộ kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế;

e) Tại địa bàn có trên 900 hộ kinh doanh thì có ít nhất là 9 hộ kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế.

Điều 4. Thành lập Hội đồng tư vấn thuế

1. Hội đồng tư vấn thuế được thành lập và hoạt động theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

2. Hội đồng tư vấn thuế được thành lập lại hoặc bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng tư vấn thuế trong một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Thành lập lại Hội đồng tư vấn thuế khi Hội đồng tư vấn thuế hết nhiệm kỳ theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Bổ sung, thay thế các thành viên Hội đồng tư vấn thuế trong các trường hợp sau:

b.1) Các thành viên là cán bộ, công chức cấp xã không còn giữ chức vụ, chức danh theo đúng thành phần quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này hoặc đã thôi không công tác tại địa bàn xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi tư vấn của Hội đồng tư vấn thuế;

b.2) Bổ sung thêm hộ kinh doanh để phù hợp với số lượng hộ kinh doanh đang hoạt động hoặc thay thế hộ kinh doanh đã nghỉ kinh doanh tại địa bàn xã, phường, thị trấn;

b.3) Các trường hợp thay đổi khác liên quan đến thành phần Hội đồng tư vấn thuế do Chi cục trưởng Chi cục Thuế đề xuất.

3. Thủ tục thành lập Hội đồng tư vấn thuế

a) Mặt trận tổ quốc xã, phường, thị trấn đề xuất, giới thiệu và gửi danh sách hộ kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế cho Chi cục Thuế khi được đề nghị.

Chi cục Thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin về hộ kinh doanh tại địa bàn xã, phường, thị trấn để Mặt trận tổ quốc xã, phường, thị trấn xem xét lựa chọn, giới thiệu hộ kinh doanh tham gia Hội đồng tư vấn thuế.

b) Chi cục trưởng Chi cục Thuế căn cứ thành phần và danh sách tham gia Hội đồng tư vấn thuế để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thuế theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này (theo Mẫu số 01/HĐTV ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Trường hợp tại địa bàn xã, phường, thị trấn không có hộ kinh doanh thì không thành lập Hội đồng tư vấn thuế. Khi phát sinh hộ mới ra kinh doanh, Chi cục Thuế thực hiện việc lập bộ tính thuế cho những tháng còn lại trong năm. Kể từ kỳ lập bộ tính thuế trong năm tiếp theo, Chi cục trưởng Chi cục Thuế đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thuế theo quy định để thực hiện tư vấn thuế.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ

Điều 5. Nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn thuế

Hội đồng tư vấn thuế có nhiệm vụ tư vấn cho Chi cục Thuế về mức thuế của các hộ kinh doanh trên địa bàn, bảo đảm đúng pháp luật, dân chủ, công khai, công bằng, hợp lý. Các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Tư vấn về mức doanh thu dự kiến, mức thuế dự kiến của hộ kinh doanh nộp thuế ổn định đầu năm gồm hộ kinh doanh thuộc diện không phải nộp thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân; hộ kinh doanh thuộc diện phải nộp thuế.

2. Tư vấn về mức doanh thu dự kiến, mức thuế dự kiến của hộ kinh doanh mới ra kinh doanh; hộ kinh doanh có thay đổi về hoạt động kinh doanh trong năm.

3. Tư vấn về mức thuế miễn, giảm đối với hộ kinh doanh.

Điều 6. Quyền hạn của Hội đồng tư vấn thuế

1. Được tham gia tập huấn, phổ biến, nhận tài liệu về chính sách thuế, quản lý thuế hiện hành liên quan đến công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh.

2. Yêu cầu Đội thuế liên xã, phường, thị trấn cung cấp thông tin về tình hình quản lý thu thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn.

Điều 7. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế

1. Quyết định chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng tư vấn thuế.

2. Mời đại biểu, triệu tập các thành viên và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng tư vấn thuế.

3. Phân công các thành viên Hội đồng tư vấn thuế theo dõi từng việc cụ thể.

4. Quyết định và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế và thành viên Hội đồng tư vấn thuế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

5. Báo cáo bằng văn bản với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chi cục trưởng Chi cục Thuế trong trường hợp cá nhân hoặc các thành viên khác không thể tiếp tục tham gia Hội đồng tư vấn thuế.

6. Ký các văn bản, tài liệu giao dịch nhân danh Hội đồng tư vấn thuế.

Điều 8. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng tư vấn thuế

1.Trách nhiệm chung của các thành viên Hội đồng tư vấn thuế

a) Triển khai công việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế về kết quả công việc được phân công;

b) Bố trí tham gia đầy đủ các hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế;

c) Trình bày ý kiến tại cuộc họp hoặc bằng văn bản;

d) Báo cáo bằng văn bản với Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế trong trường hợp không thể tiếp tục tham gia Hội đồng tư vấn thuế.

2. Trách nhiệm của Thành viên thường trực Hội đồng tư vấn thuế

a) Đề xuất xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng tư vấn thuế và dự kiến phân công nhiệm vụ cho các thành viên để Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế xem xét, quyết định;

b) Chuẩn bị tài liệu, ghi biên bản trong các cuộc họp và tổng hợp ý kiến tham gia của các thành viên Hội đồng tư vấn thuế;

c) Báo cáo Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế và Chi cục trưởng Chi cục thuế trong trường hợp phải thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng tư vấn thuế.

Chương III
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ

Điều 9. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế

1. Hội đồng tư vấn thuế hoạt động và làm việc theo chế độ thảo luận tập thể và quyết định theo đa số; trường hợp ý kiến ngang nhau thì quyết định theo nội dung có ý kiến nhất trí của Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế.

2. Hội đồng tư vấn thuế thực hiện việc tư vấn theo các nhiệm vụ quy định tại Điều 5 Thông tư này khi cơ quan thuế gửi lấy ý kiến tư vấn.

Điều 10. Chế độ làm việc của Hội đồng tư vấn thuế

1. Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng tư vấn thuế hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Hội đồng tư vấn thuế chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế về các công việc liên quan đến nhiệm vụ quy định tại Thông tư này.

2. Hội đồng tư vấn thuế họp lấy ý kiến các thành viên về các nội dung tư vấn theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế. Các cuộc họp của Hội đồng tư vấn thuế được tiến hành khi có sự tham gia chủ trì của Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế và ít nhất 2/3 tổng số thành viên (Bao gồm cả Chủ tịch Hội đồng) tham dự.

Hội đồng tư vấn thuế có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên về các nội dung tư vấn thông qua phương tiện điện tử và phải đảm bảo có ít nhất 2/3 tổng số thành viên có ý kiến tham gia như trường hợp họp trực tiếp quy định tại Khoản 2 - Điều này.

Trường hợp ý kiến tham gia của các thành viên chưa thống nhất thì phải tiến hành biểu quyết để quyết định theo đa số; nếu kết quả biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo nội dung có ý kiến nhất trí của Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế để làm cơ sở lập Biên bản họp Hội đồng tư vấn thuế.

3. Các cuộc họp của Hội đồng tư vấn thuế phải được ghi biên bản theo Mẫu số 02/HĐTV ban hành kèm theo Thông tư này; trong đó nêu rõ các trường hợp thống nhất với dự kiến của Chi cục Thuế; các trường hợp và lý do đề nghị điều chỉnh mức doanh thu, mức thuế của hộ kinh doanh. Trường hợp lấy ý kiến thông qua phương tiện điện tử thì các ý kiến tham gia do thành viên thường trực hội đồng tổng hợp chung và ghi vào biên bản như họp trực tiếp.

Biên bản họp phải có chữ ký xác nhận của các thành viên trong Hội đồng tư vấn thuế dự họp.

Điều 11. Quan hệ công tác giữa Hội đồng tư vấn thuế với cơ quan thuế

1. Quan hệ trong việc lấy ý kiến tư vấn

a) Chi cục Thuế chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu khi lấy ý kiến tư vấn và gửi cho Hội đồng tư vấn tối thiểu 5 ngày làm việc trước thời hạn đề nghị Hội đồng tư vấn thuế gửi kết quả về ý kiến tư vấn.

Hồ sơ Chi cục Thuế gửi lấy ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn gồm:

a.1) Hồ sơ tư vấn về doanh thu dự kiến, mức thuế dự kiến của hộ kinh doanh nộp thuế ổn định đầu năm gồm hộ kinh doanh thuộc diện không phải nộp thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân; hộ kinh doanh thuộc diện phải nộp thuế:

- Biểu trích ngang về dự kiến doanh thu, mức thuế của hộ kinh doanh (Mẫu số 03/HĐTV ban hành kèm theo Thông tư này).

- Các văn bản quy định, hướng dẫn mới liên quan đến nội dung lấy ý kiến tư vấn (nếu có).

a.2) Hồ sơ tư vấn về mức doanh thu dự kiến, mức thuế dự kiến của hộ kinh doanh mới ra kinh doanh; hộ kinh doanh có thay đổi về hoạt động kinh doanh trong năm:

- Biểu trích ngang về dự kiến doanh thu, mức thuế của hộ kinh doanh (Mẫu số 04/HĐTV ban hành kèm theo Thông tư này)

- Các văn bản quy định, hướng dẫn mới liên quan đến nội dung lấy ý kiến tư vấn (nếu có).

a.3) Hồ sơ tư vấn về mức thuế miễn, giảm đối với hộ kinh doanh:

- Biểu trích ngang về dự kiến mức thuế miễn, giảm của hộ kinh doanh (Mẫu số 05/HĐTV ban hành kèm theo Thông tư này)

- Các văn bản quy định, hướng dẫn mới liên quan đến nội dung lấy ý kiến tư vấn (nếu có).

b) Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế gửi kết quả tư vấn cho Chi cục Thuế đúng thời hạn đã được đề nghị. Hồ sơ kết quả tư vấn gửi Chi cục Thuế gồm:

b.1) Thông báo kết quả tư vấn thuế về những trường hợp Hội đồng tư vấn thuế đề nghị điều chỉnh lại doanh thu, mức thuế, số tiền thuế miễn/giảm của hộ kinh doanh so với kết quả dự kiến của Chi cục Thuế (theo Mẫu số 06/HĐTV và 07/HĐTV ban hành kèm theo Thông tư này).

b.2) Biên bản họp Hội đồng tư vấn thuế đã lập theo Mẫu số 02/HĐTV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quan hệ trong việc xử lý kết quả tư vấn

Chi cục Thuế căn cứ kết quả tư vấn của Hội đồng tư vấn thuế, kết hợp với tài liệu khai thuế của hộ kinh doanh, kết quả điều tra thực tế, ý kiến phản hồi khi niêm yết công khai, chỉ đạo của Cục Thuế để lập bộ, tính thuế đối với hộ kinh doanh và thực hiện việc niêm yết công khai số liệu chính thức theo quy định.

Trường hợp kết quả lập bộ, tính thuế, giải quyết miễn, giảm thuế đối với hộ kinh doanh khác với kết quả tư vấn của Hội đồng tư vấn thuế; Chi cục Thuế có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Hội đồng tư vấn thuế về các trường hợp và lý do liên quan đến việc lập bộ, tính thuế, giải quyết miễn, giảm thuế có sự khác nhau với kết quả tư vấn (theo Mẫu số 08/HĐTV ban hành kèm theo Thông tư này) cùng với thời điểm niêm yết công khai số liệu chính thức về kết quả lập bộ, tính thuế, giải quyết miễn, giảm thuế đối với hộ kinh doanh.

3. Quan hệ trong việc cung cấp các thông tin tài liệu

Chi cục Thuế có trách nhiệm cung cấp và chỉ đạo Đội thuế liên xã, phường, thị trấn cung cấp thông tin, tài liệu cho Hội đồng tư vấn thuế trong phạm vi quyền hạn của Hội đồng tư vấn thuế quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 12. Quan hệ công tác giữa Hội đồng tư vấn thuế với chính quyền địa phương

Hội đồng tư vấn thuế gửi kết quả tư vấn thuế cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã cùng với thời điểm gửi kết quả tư vấn cho Chi cục Thuế.

Chương IV
KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ

Điều 13. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế do cơ quan thuế chi từ nguồn kinh phí hoạt động của ngành thuế, nội dung các khoản chi bao gồm:

a) Chi cho các cuộc họp của Hội đồng tư vấn thuế liên quan đến việc tư vấn thuế;

b) Chi bồi dưỡng cho các thành viên của Hội đồng tư vấn thuế tham gia vào công tác tư vấn thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế;

c) Chi khen thưởng trong việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn thuế theo chế độ của ngành thuế;

d) Chi cho các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn thuế theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quyết định mức chi cho các hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc thành lập Hội đồng tư vấn thuế kể từ nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn 2016 - 2021.

2. Bãi bỏ Quyết định số 68/2007/QĐ-BTC ngày 01/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành "Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn" kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các ngành, các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp tạo điều kiện để Hội đồng tư vấn thuế hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt chính sách thuế đối với hộ kinh doanh trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thành lập Hội đồng tư vấn thuế theo đúng quy định tại Thông tư này.

3. Tổng cục Thuế chỉ đạo hướng dẫn cơ quan thuế địa phương triển khai thực hiện các nội dung theo quy định tại Thông tư này.

4. Cục thuế có trách nhiệm chỉ đạo chung việc thành lập Hội đồng tư vấn thuế tại địa bàn quản lý; Chi cục Thuế có trách nhiệm đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng tư vấn thuế theo đúng quy định tại Thông tư này.

5. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được nghiên cứu bổ sung, sửa đổi./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Mẫu số: **01/HĐTV**
Ban hành kèm theo Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính

UBND *CẤP TỈNH*.....
UBND *CẤP HUYỆN*.....

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng tư vấn thuế *xã/phường/thị trấn*.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN *QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ/*.....

Căn cứ Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ.....;

Căn cứ Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thuế *quận/huyện/thị xã*.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tư vấn thuế *xã/phường/thị trấn*..... (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn thuế) bao gồm các thành viên có tên sau đây:

1. Ông/bà.....	- Chủ tịch/Phó chủ tịch UBND	- Chủ tịch Hội đồng
2. Ông/bà.....	- Công chức tài chính.....	- Thành viên thường trực
3. Ông/bà.....	- Đội thuế.....	- Thành viên
4. Ông/bà.....	- Chủ tịch MTTQ xã/phường....	- Thành viên
5. Ông/bà.....	- Trưởng Công an xã/phường....	- Thành viên
6. Ông/bà.....	- Chủ hộ kinh doanh.....	- Thành viên
7. Ông/bà.....	- Chủ hộ kinh doanh.....	- Thành viên
8. Ông/bà.....	- Chủ hộ kinh doanh.....	- Thành viên
9. Ông/bà.....	- Chủ hộ kinh doanh.....	- Thành viên
.....	- Chủ hộ kinh doanh.....	- Thành viên

Điều 2. Hội đồng tư vấn thuế có nhiệm vụ tư vấn cho Chi cục Thuế *quận/huyện/thị xã*..... về mức thuế của các hộ kinh doanh trên địa bàn, bảo đảm đúng pháp luật, dân chủ, công khai, công bằng, hợp lý khi Chi cục Thuế gửi lấy ý kiến.

Nhiệm vụ cụ thể:

1. Tư vấn về mức doanh thu dự kiến, mức thuế dự kiến của hộ kinh doanh nộp thuế ổn định đầu năm gồm hộ kinh doanh thuộc diện không phải nộp thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân; hộ kinh doanh thuộc diện phải nộp thuế.

2. Tư vấn về mức doanh thu dự kiến, mức thuế dự kiến của hộ kinh doanh mới ra kinh doanh; hộ kinh doanh có thay đổi về hoạt động kinh doanh trong năm.

3. Tư vấn về mức thuế miễn, giảm đối với hộ kinh doanh.

Điều 3. Hội đồng tư vấn thuế thành lập theo Điều 1 Quyết định này hoạt động theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

Chi cục trưởng Chi cục Thuế có trách nhiệm đề nghị Chủ tịch UBND *quận/huyện/thị xã/*..... thành lập lại Hội đồng tư vấn thuế hoặc bổ sung, thay thế các thành viên theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (bà) Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn.....; Chi cục trưởng Chi cục Thuế *quận/huyện/thị xã*.....; ..... và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu:.....

CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số: **02/HĐTV**
Ban hành kèm theo Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính

UBND QUẬN, HUYỆN.....
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN

Căn cứ các nội dung, hồ sơ, tài liệu gửi lấy ý kiến tư vấn ngày...../...../……..... của Chi cục Thuế.....;

Hội đồng tư vấn thuế..... họp và thông qua kết quả tư vấn thuế như sau:

I/ Ý kiến của các thành viên

Ghi rõ từng ý kiến tham gia của các thành viên về việc điều chỉnh đối tượng, mức doanh thu, tiền thuế của hộ kinh doanh; lý do đề nghị điều chỉnh

Ghi rõ kết quả biểu quyết về các ý kiến của thành viên HĐTV thuế đối với từng nội dung chưa thống nhất.

II/ Kết quả tư vấn

1. Các trường hợp đề nghị Chi cục Thuế bổ sung/điều chỉnh đối tượng nộp thuế:

2. Các trường hợp đề nghị Chi cục Thuế điều chỉnh doanh thu, mức thuế:

3. Các trường hợp khác thống nhất như dự kiến của cơ quan thuế:

CÁC THÀNH VIÊN KÝ TÊN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ

CHI CỤC THUẾ.....

Mẫu số: **03/HĐTV**
Ban hành kèm theo Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính

DANH SÁCH DỰ KIẾN VỀ DOANH THU, MỨC THUẾ CỦA HỘ KINH DOANH

Năm lập bộ:.....

Địa bàn: xã/phường/thị trấn.....

STT	Mã số thuế	Tên hộ kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Số liệu Chi cục Thuế đã lập bộ trong năm trước								Số liệu hộ kinh doanh kê khai cho năm lập bộ								Số liệu Chi cục Thuế dự kiến cho năm lập bộ							
					Doanh thu/Sản lượng/ Số lượng tháng				Số tiền thuế phải nộp tháng				Doanh thu/Sản lượng/ Số lượng tháng				Số tiền thuế phải nộp tháng				Doanh thu/Sản lượng/ Số lượng tháng				Số tiền thuế phải nộp tháng			
					GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...

......, ngày..... tháng..... năm.....

ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI THUẾ.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHI CỤC THUẾ.....

Mẫu số: **04/HĐTV**
Ban hành kèm theo Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính

DANH SÁCH DỰ KIẾN VỀ DOANH THU, MỨC THUẾ CỦA HỘ MỚI RA KINH DOANH; HỘ KINH DOANH CÓ THAY ĐỔI VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

Tháng..... năm.....

Địa bàn: xã/phường/thị trấn.....

STT	Mã số thuế	Tên hộ kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Số liệu Chi cục Thuế đang lập bộ trong năm								Số liệu hộ kinh doanh kê khai hoặc kê khai lại cho năm lập bộ								Số liệu Chi cục Thuế dự kiến lập bộ cho các tháng còn lại trong năm							
					Doanh thu/Sản lượng/ Số lượng tháng				Số tiền thuế phải nộp tháng				Doanh thu/Sản lượng/ Số lượng tháng				Số tiền thuế phải nộp tháng				Doanh thu/Sản lượng/ Số lượng tháng				Số tiền thuế phải nộp tháng			
					GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...
I. DANH SÁCH HỘ KINH DOANH MỚI RA KINH DOANH																												
II. DANH SÁCH HỘ KINH DOANH ĐIỀU CHỈNH LẠI DOANH THU, MỨC THUẾ DO THAY ĐỔI QUY MÔ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH,....																												
III. DANH SÁCH HỘ KINH DOANH ĐIỀU CHỈNH LẠI DOANH THU, MỨC THUẾ DO THAY ĐỔI VỀ CHÍNH SÁCH																												

…..., ngày… tháng… năm…..

ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI THUẾ.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHI CỤC THUẾ.....

Mẫu số: **05/HĐTV**
Ban hành kèm theo Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính

DANH SÁCH MIỄN, GIẢM THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH

Tháng..... năm.....

Địa bàn: xã/phường/thị trấn.....

STT	Mã số thuế	Tên hộ kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Số tiền thuế hộ kinh doanh đề nghị miễn giảm						Số tiền thuế Chi cục Thuế xác định đủ điều kiện được miễn giảm						Số tiền thuế Chi cục Thuế xác định không đủ điều kiện miễn giảm						Lý do không đủ điều kiện miễn, giảm
					Thuế GTGT		Thuế TNCN		Thuế.....		Thuế GTGT		Thuế TNCN		Thuế.....		Thuế GTGT		Thuế TNCN		Thuế.....		
					Kỳ tính thuế	Số tiền thuế đề nghị miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế đề nghị miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế đề nghị miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế không được miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế không được miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế không được miễn, giảm	

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI THUẾ.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ.....

Mẫu số: **06/HĐTV**
Ban hành kèm theo Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính

THÔNG BÁO KẾT QUẢ TƯ VẤN VỀ DOANH THU, MỨC THUẾ CỦA HỘ KINH DOANH

Tháng, năm lập bộ:.....

Địa bàn: xã/phường/thị trấn.....

STT	Mã số thuế	Tên hộ kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Dự kiến của Chi cục Thuế gửi lấy ý kiến tư vấn								Kết quả tư vấn của Hội đồng tư vấn thuế								Lý do
					Doanh thu/Sản lượng/ Số lượng tháng				Số tiền thuế phải nộp tháng				Doanh thu/Sản lượng/ Số lượng tháng				Số tiền thuế phải nộp tháng				
					GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	GTGT	TNCN	Tài nguyên	...	

Ghi chú: Chỉ thông báo kết quả tư vấn về những trường hợp Hội đồng tư vấn thuế đề nghị điều chỉnh lại doanh thu, mức thuế của hộ kinh doanh so với kết quả dự kiến của Chi cục Thuế

....., ngày..... tháng..... năm.....
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ.....

Mẫu số: **07/HĐTV**
Ban hành kèm theo Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính

THÔNG BÁO KẾT QUẢ TƯ VẤN VỀ MIỄN, GIẢM THUẾ CỦA HỘ KINH DOANH

Tháng..... năm.....

Địa bàn: xã/phường/thị trấn.....

STT	Mã số thuế	Tên hộ kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Số tiền thuế đủ điều kiện được miễn giảm						Số tiền thuế không đủ điều kiện miễn giảm						Lý do
					Thuế GTGT		Thuế TNCN		Thuế.....		Thuế GTGT		Thuế TNCN		Thuế.....		
					Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế được miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế không được miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế không được miễn, giảm	Kỳ tính thuế	Số tiền thuế không được miễn, giảm	

......, ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: *Chỉ thông báo kết quả tư vấn về những trường hợp Hội đồng tư vấn thuế đề nghị điều chỉnh lại số tiền thuế miễn, giảm của hộ kinh doanh so với kết quả xác định của Chi cục Thuế*

CHI CỤC THUẾ.....

Mẫu số: **08/HĐTV**
Ban hành kèm theo Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LẬP BỘ, TÍNH THUẾ VÀ GIẢI QUYẾT MIỄN, GIẢM THUẾ

Tháng/năm:.....

Địa bàn: xã/phường/thị trấn.....

STT	Mã số thuế	Tên hộ kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Kết quả tư vấn của Hội đồng tư vấn							Kết quả lập bộ, tính thuế; giải quyết miễn giảm thuế							Lý do
					Thuế GTGT			Thuế TNCN			Thuế.....	Thuế GTGT			Thuế TNCN			Thuế.....	
					Doanh thu tháng	Số tiền thuế phải nộp tháng	Số tiền thuế được miễn, giảm	Doanh thu tháng	Số tiền thuế phải nộp tháng	Số tiền thuế được miễn, giảm		Doanh thu tháng	Số tiền thuế phải nộp tháng	Số tiền thuế được miễn, giảm	Doanh thu tháng	Số tiền thuế phải nộp tháng	Số tiền thuế được miễn, giảm		

Ghi chú: *Chỉ thông báo các trường hợp kết quả lập bộ, tính thuế, giải quyết miễn, giảm thuế khác với kết quả tư vấn của Hội đồng tư vấn thuế*

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI THUẾ.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)